

Bản án số: 196/2025/HS-PT
Ngày 18/12/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Long và bà Trương Thị Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hưng - Thư ký Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh thanh hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 271/2025/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2025, do có kháng cáo của bị cáo, bị đơn dân sự đối với bản án hình sự sơ thẩm số 19/2025/HS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa.

1. Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Văn T, sinh ngày 02/01/1990 tại Hải Phòng; Trú tại: Tổ dân phố Đ, phường T, Hải Phòng; Số CCCD: 031090007172; nghề nghiệp: lao động tự do; văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X và bà Lê Thị T1; tiền án, tiền sự: không; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo T4: Ông Đỗ Thế D - Luật sư, công ty L1, đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

2. Bị hại: Ông Phạm Tiến D1, sinh năm: 1977 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Phạm Thị Kim P (vắng mặt)
Địa chỉ: S, tổ E, phường T, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện theo ủy quyền của bà P: Ông Lê Tiến D2, sinh năm: 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, phường T, tỉnh Hưng Yên

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Ngọc T2 - Luật sư- Công ty L2, Đoàn Luật sư tỉnh H (có mặt)

3. Nguyên đơn dân sự: Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông H: Ông Phạm Thanh L, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: SN 46 tổ 8 Kỳ Bá, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên

4. Bị đơn dân sự kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Hải Phòng.

- Trong vụ án còn có người đại diện hợp pháp của người bị hại; nguyên đơn dân sự không kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các Tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T4 có giấy phép lái xe ô tô hợp lệ, lái xe thuê cho anh Nguyễn Văn T3. Ngày 10/5/2025 T4 được anh T3 điều động điều khiển xe ô tô BKS: 15C-355.57 đi giao hàng từ Hải Phòng đi Thanh Hóa. Khoảng 01 giờ ngày 11/5/2025, T4 điều khiển xe ô tô di chuyển trên QL1A hướng từ Hà Nội đi Thanh Hóa. Khi đến Km 290 thuộc khu phố D, phường Q, tỉnh Thanh Hóa. Lúc này, trời mưa to, T4 điều khiển xe đi ở giữa 02 làn đường, làn giữa và làn xe thô sơ, cách lề đường khoảng 01m với tốc độ khoảng 50km/h. Phía trước có xe ô tô BKS 17C-048.16 do anh Phạm Tiến D1 đang dừng đỗ tại lề đường, khi đi đến cách khoảng 05m thì T4 phát hiện ra có xe đỗ phía trước nên không kịp xử lý nên đã đâm vào phía sau bên trái xe ô tô của anh D1 điều khiển khiến ô tô BKS 17C-048.16 bị đẩy về phía trước 5 mét và đâm vào anh D1 đang đứng trước đầu xe. Hậu quả anh D1 tử vong tại chỗ, 02 phương tiện bị hư hỏng nặng.

Tiến hành điều tra, kết quả như sau:

** Khám nghiệm hiện trường:*

Hiện trường nơi xảy ra tai nạn km 290 trên Quốc lộ A thuộc địa phận phường Q, tỉnh Thanh Hóa đổ nhựa áp phan, mặt đường phẳng, đường có 02 chiều, chiều đi từ Hà Nội đi Thanh Hóa có 02 phần đường, phần đường dành cho xe cơ giới rộng 7m gồm 02 làn đường mỗi làn rộng 3,5 mét được ngăn cách bằng vạch kẻ đường nét đứt màu trắng ở giữa, phần đường dành cho xe thô sơ rộng 2,7 mét được ngăn cách với phần đường dành cho xe thô sơ bằng vạch kẻ đường nét liền màu trắng.

Đánh số thứ tự từ (1) đến (4). Lấy hướng Bắc - Nam làm hướng khám nghiệm, lấy mép đường ngoài cùng bên phải theo hướng khám nghiệm làm mép chuẩn (Ký hiệu A), lấy cột mốc ghi km290 trên dải phân cách cứng ở giữa đường đôi QL1A làm mốc (Ký hiệu B), ghi nhận các dấu vết, phương tiện cụ thể:

(1) Vùng mảnh vỡ nhựa, kính, kim loại dải rác trên đường đến vị trí đầu xe ô tô BKS: 15C-355.57, kích thước trong diện 8,5m x 3m. Theo hướng khám nghiệm, đầu vùng mảnh vỡ cách B là 9,6m về phía Tây T, cách A là 1,1m; cuối vùng mảnh vỡ (tương ứng vị trí đầu xe ô tô BKS: 15C-355.57) cách A là 1,2 m.

(2) Xe ô tô BKS: 15C - 355.57 đỗ trên đường, đầu xe hướng Nam, đuôi xe hướng Bắc. Trục bánh sau bên phải xe cách A là 1m, cách đầu vùng mảnh vỡ (1) là 5,35m về phía Nam. Trục bánh trước bên phải xe cách A là 0,92m. Phần đầu xe ô tô BKS 15C-355.57 bám dính với đuôi xe của ô tô BKS: 17C-048.16.

(3) Xe ô tô BKS: 17C - 048.16 dừng xe trên đường, đầu xe chệch hướng Đông Nam, đuôi xe chệch hướng T. Trục bánh sau bên phải xe cách trục bánh trước bên phải xe ô tô BKS: 15C-355.57 là 1,8m về phía T và trùng với A. Trục

bánh trước bên phải xe cách A là 0,85m. Đèn xe phía trước và phía sau trong trạng thái bật đèn cảnh báo (nhấp nháy).

(4) Tử thi Phạm Tiến D1 nằm sấp dưới đường ngay phía dưới đầu xe ô tô BKS 17C-048.16. Đầu tử thi hướng phía Nam, chân hướng phía Bắc. Đầu tử thi cách A là 1,1m (ngay sát mép trong lớp trước bên phải xe ô tô BKS 17C-048.16).

** Kết luận giám định tử thi:*

Tại bản Kết luận giám định tử thi số 1899/KLGĐTT-PC09 ngày 04/6/2025 của phòng K, công an tỉnh T, kết luận: Anh Phạm Tiến D1 chết do chấn thương sọ não. Với kết quả khám nghiệm: “Các vết sây sát da, rách da, bầm tụ máu tại vùng: Đầu, mặt, vai, lưng, hai tay; Tụ máu tổ chức dưới da đầu vùng trán đỉnh thái dương chằm phải và cơ thái dương phải; Vỡ xương hộp sọ; Xuất huyết khoang dưới nhện, D3 máu trong não thất”.

** Kết luận giám định dấu vết cơ học:*

Tại bản kết luận giám định số 1848/KL-KTHS ngày 31/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận:

1. Điểm va chạm đầu tiên của hai phương tiện là tại mặt trước bên phải đầu xe ô tô BKS: 15C-355.57 với mặt sau bên trái đuôi xe ô tô BKS: 17C-048.16; Tại thời điểm xảy ra va chạm, xe ô tô BKS: 15C-355.57 ở phía sau bên trái, chuyển động cùng chiều và có vận tốc lớn hơn so với xe ô tô BKS: 17C-048.16; Vị trí va chạm nằm tương ứng đầu phía Bắc vùng mảnh vỡ nhựa, kính, kim loại trên đường (1), được thể hiện bên trong Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường, trên phần đường dành cho xe thô sơ của chiều đường theo hướng từ Bắc vào N; Không đủ cơ sở xác định vận tốc của hai phương tiện trước khi va chạm.

2. Ngoài va chạm với xe ô tô BKS: 17C-048.16, không phát hiện thấy dấu vết va chạm giữa ô tô BKS: 15C-355.57 với người, đồ vật hay phương tiện khác.

3. Ngoài va chạm với xe ô tô BKS: 15C-355.57, không phát hiện thấy dấu vết va chạm giữa ô tô BKS: 17C-048.16 với đồ vật hay phương tiện khác; Các vết tỳ trượt, bề mặt các vết tại một số vị trí in các vân (dạng vân vải) tại mặt trước bên trái đầu xe và mặt trước dưới cầu trước xe ô tô BKS: 17C-048.16 phù hợp do va chạm với nạn nhân Phạm Tiến D1 tạo nên.

** Kết quả định giá tài sản bị thiệt hại:*

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 22/5/2025 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân thị xã B kết luận: Tổng giá trị phần hư hỏng xe ô tô mang BKS: 17C- 048.16 tại thời điểm định giá là 10.000.000đ.

Tại Bản án số 24/2025/HS-ST ngày 30/9/2025 của TAND khu vực 6 - Thanh Hóa đã áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm s, b khoản 1, Điều 51; Điều 38 BLHS. Các Điều 584, 585, 589, 591 và Điều 601 của BLDS; Các Điều 110, 111 và Điều 112 của Luật HN & GD:

Xử phạt bị cáo T4 24 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; Buộc ông Nguyễn Văn T3 bồi thường cho gia đình người bị hại (đại diện là bà Phạm Thị Kim P) các khoản tiền: Chi phí mai táng, bù đắp tổn thất

tinh thần tổng số tiền: 208.385.000đ; Buộc ông T3 cấp dưỡng cho cháu Phạm Anh T5 (con bị hại D1) mỗi tháng: 4.410.000đ; cấp dưỡng cho ông T3 và bà B (bố, mẹ của bị hại D1), mỗi người 900.000đ/tháng; Bồi thường cho ông H 10.000.000đ. Ngoài ra bản án còn quyết định quyết định thời gian cấp dưỡng; xử lý vật chứng, lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13-14/10/2025 bị cáo T4 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo; bị đơn dân sự ông Nguyễn Văn T3 kháng cáo đề nghị giảm nhẹ mức bồi thường. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo, bị đơn dân sự giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bị cáo T4; bị đơn dân sự ông Nguyễn Văn T3 nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giao nộp thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của BLTTHS, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa phần quyết định hình phạt của bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt 24 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Đối với kháng cáo của bị đơn dân sự đề nghị không chấp nhận.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm về các tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Tuy nhiên, mức hình phạt 2 năm tù là có phần nghiêm khắc nên đề nghị giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người đại diện cho người bị hại cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại thống nhất trình bày: Mức hình phạt cho bị cáo và mức bồi thường cho người bị hại như án sơ thẩm đã là thấp, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã tuyên là đúng, xin lỗi gia đình bị hại và xin được hưởng án treo để có cơ hội lao động, phụ giúp với bị đơn dân sự bồi thường, cấp dưỡng cho bố, mẹ và con của người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hình thức:* Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T4 và bị đơn dân sự ông Nguyễn Văn T3 nộp trong thời hạn luật định hợp lệ, được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Về hành vi phạm tội:* Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cụ thể: Khoảng 01 giờ ngày 11/5/2025, T4 điều khiển xe ô tô BKS15C - 355.57 di chuyển tuyến QL 1A hướng Hà Nội-Thanh Hóa. Khi đi đến Km 290 thuộc địa phận khu phố D, phường Q, Thanh Hóa, trong điều kiện trời mưa, do thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ đảm bảo an

toàn nên đã đâm vào phía sau xe ô tô BKS 17C-048.16 do anh Phạm Tiến D1 điều khiển đang dừng đỗ sát lề đường bên phải khiến xe ô tô bị BKS 17C-048.16 bị đẩy về phía trước và đâm vào anh D1 đang đứng trước đầu xe. Hậu quả làm anh D1 tử vong tại chỗ, xe ô tô BKS 17C - 048.16 bị hư hỏng thiệt hại 10.000.000đ.

Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa xét xử bị cáo Nguyễn Văn T4 về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 260 BLHS là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo T4 và nguyên đơn dân sự thấy rằng:

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo T4, xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng của bị hại, đồng thời gây thiệt hại đến tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo đã vi phạm các điểm b, m khoản 3 Điều 12 của Luật trật tự an toàn giao thông đường bộ. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án; xem xét đầy đủ các tình tiết về nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo T4 mức hình phạt 24 tháng tù là phù hợp.

Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại. Tại cấp phúc thẩm bị cáo giao nộp tình tiết giảm nhẹ TNHS mới: Bồi thường toàn bộ số tiền bồi thường theo quyết định của án sơ thẩm cho đại diện người bị hại; có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú về việc bị cáo ngoài lần vi phạm này là người luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước, quy định của địa phương; Hoàn cảnh gia đình khó khăn...; đã cùng bị đơn dân sự bồi thường số tiền 10.000.000đ cho nguyên đơn dân sự, đây là những tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội mà căn cứ Điều 65 của BLHS, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, tạo điều kiện cho bị cáo có thể lao động, sản xuất, tạo ra nguồn thu nhập để cùng với anh trai là bị đơn dân sự trong vụ án bồi thường, cấp dưỡng cho bố, mẹ và con của người bị hại như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ mức bồi thường của nguyên đơn dân sự thấy rằng: Đối với khoản chi phí mai táng, bù đắp tổn thất tinh thần tổng số tiền: 208.385.000đ và khoản bồi thường cho ông H 10.000.000đ theo quyết định của án sơ thẩm ông T3 và bị cáo đã tự nguyện thi hành xong. Đối với khoản tiền buộc ông T3 cấp dưỡng cho cháu Phạm Anh T5 mỗi tháng: 4.410.000đ; cấp dưỡng cho ông T3 và bà B mỗi người 900.000đ/tháng. Mức bồi thường này là phù hợp với quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận xem xét đề nghị giảm mức bồi thường, cấp dưỡng của bị đơn dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a, c khoản 1 và điểm e, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, bị cáo không phải chịu án phí HSPT. Ông T3 kháng cáo xin giảm nhẹ mức bồi thường nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T4, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 30/9/2025 của TAND khu vực 6- Thanh Hóa, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ mức bồi thường của nguyên đơn dân sự ông Nguyễn Văn T3.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS. Các Điều 584, 585, 589, 591 và Điều 601 của BLDS; Các Điều 110, 111 và Điều 112 của Luật HN & GD. Điểm a, c khoản 1; điểm e, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T4 phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

3. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T4 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo T4 cho Ủy ban nhân phường T, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Dân sự: Buộc ông Nguyễn Văn T3 phải bồi thường cho gia đình người bị hại (đại diện là bà Phạm Thị Kim P) các khoản tiền: Chi phí mai táng, bù đắp tổn thất tinh thần tổng số tiền: 208.385.000đ; cấp dưỡng cho cháu Phạm Anh T5 (con bị hại D1) mỗi tháng: 4.410.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 cho đến khi cháu T5 đủ 18 tuổi; cấp dưỡng cho ông Phạm Đình T6 và bà Đỗ Thị B (bố, mẹ của bị hại D1), mỗi người 900.000đ/ tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 cho đến khi ông T6 bà B chết; Bồi thường cho ông Phạm Văn H 10.000.000đ.

Ghi nhận ông T6 đã bồi thường xong các khoản tiền gồm: Tiền chi phí mai táng, bù đắp tổn thất tinh thần: 208.385.000đ; cho ông H 10.000.000đ. Các khoản tiền ông T6 còn phải thi hành gồm cấp dưỡng cho cháu T5 mỗi tháng: 4.410.000đ; cấp dưỡng cho ông T6 và bà B mỗi người 900.000đ/1 tháng.

Khi bản án có hiệu pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền người phải thi hành án phải bồi thường, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì người phải thi hành án phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS

5. Về án phí: Bị cáo T4 phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm; không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn T3 phải chịu 1.219.000đ (làm tròn số) án phí Dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm. Tổng cộng là 1.519.000đ.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND; VKSND KV6;
- VKSDN tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp TP Hải Phòng;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;**(đã ký)**
- CQ THAHS Công an tỉnh TH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Tòa HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Hà